

Số: 214/NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 22 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 20

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND thành phố “Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2024”; Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 05/6/2024 và Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 19/7/2024, Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 11/10/2024 của HĐND thành phố Uông Bí về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024;

Xét đề nghị của UBND Thành phố tại Tờ trình số 559/TTr-UBND ngày 18/10/2024 “Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 với các nội dung như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn là 5.110 triệu đồng của 02 công trình, cụ thể: (1) Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí là 3.500 triệu đồng (*Nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên chuyển sang*); kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 6.500 triệu đồng; (2) Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí là 1.610 triệu đồng (*Phí Yên Tử*); kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 390 triệu đồng;

Lí do điều chỉnh: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn để báo cáo UBND Tỉnh quan tâm xem xét hỗ trợ nguồn vốn thực hiện.

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn là 5.110 triệu đồng từ nguồn thu phí Yên Tử cho 03 công trình, cụ thể: (1) Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí là 3.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 59.000 triệu đồng; (2) Cải tạo, sửa chữa Trụ sở chính BQL Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí là 1.510 triệu đồng; (3) Hệ thống bán, soát vé điện tử phí tham quan Danh lam thắng cảnh khu Di tích Yên Tử, thành phố Uông Bí là 600 triệu đồng;

Lí do điều chỉnh: Công trình đã được HĐND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện bố trí vốn để thanh toán.

3. Bố trí, sắp xếp lại nguồn vốn từ nguồn thu phí Yên Tử sang nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên chuyển sang là 3.500 triệu đồng của 05 nhiệm vụ quy hoạch và 01 công trình, cụ thể:

(1) Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực Bắc Sơn, thành phố Uông Bí (phân khu J) là 600 triệu đồng.

(2) Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Tiểu khu G1 thuộc Phân khu G tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí là 370 triệu đồng.

(3) Điều chỉnh cục bộ và lập thiết kế đô thị Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh là 1.300 triệu đồng.

(4) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh là 400 triệu đồng.

(5) Tổng mặt bằng Quy hoạch đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp cải tạo trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, TP Uông Bí là 330 triệu đồng.

(6) Chính trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí là 500 triệu đồng.

Lí do điều chỉnh: Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 đảm bảo nguồn thu phí Yên Tử dành cho mục tiêu tôn tạo, bảo tồn, phát huy giá trị của di tích danh thắng.

(Chi tiết có các phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố giao:

1. UBND Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và HĐND Thành phố về tính pháp lý, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu; quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư dự án, đảm bảo việc sử dụng vốn đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, tham nhũng, lãng phí;

- Định kỳ báo cáo Thường trực HĐND Thành phố về tình hình thực hiện nhiệm vụ; chỉ đạo các Chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo thực hiện dự án đảm bảo theo quy định.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND Thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 22 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ kể ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND Tỉnh (B/c);
- Thường trực Thành ủy (B/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024										Điều hòa KH ĐTXD cơ bản năm 2024					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh					Ghi chú
			Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó					Phí Yên Tử		Nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên chuyển sang		Tổng số	Tiền sử dụng đất	Phí Yên Tử	Trên sử dụng đất	Trong đó			NS Tinh hỗ trợ có mục tiêu				
						Phí Yên Tử	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD	Nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên chuyển sang	NS Tinh hỗ trợ có mục tiêu	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD					Nguồn tiết kiệm 5% chi TX chuyển sang							
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20				
	TỔNG CỘNG	11			331.633	73.980	6.500	11.980	2.000	3.500	50.000	5.110	5.110	3.500	3.500	73.980	6.500	11.980	2.000	3.500	50.000					
A	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP NĂM 2024	1			289.758	56.000	6.000	6.000			50.000	3.000	3.000			59.000	9.000	9.000			50.000					
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	1			289.758	56.000	6.000	6.000			50.000	3.000	3.000			59.000	9.000	9.000			50.000					
1	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	1	10903	13/12/2021	289.758	56.000	6.000	6.000			50.000	3.000	3.000			59.000	9.000	9.000			50.000					
B	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG NĂM 2024	5			35.668	14.980	6.500	2.980	2.000	3.500		2.110	2.110	500	3.500	11.980	6.500	2.980	2.000	500						
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	5			35.668	14.980	6.500	2.980	2.000	3.500		2.110	2.110	500	3.500	11.980	6.500	2.980	2.000	500						
1	Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí	1	7239	12/12/2023	12.662	10.000	6.500			3.500					3.500	6.500	6.500									
2	Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí	1	3842	18/7/2024	10.100	2.000	2.000					1.610				390		390								
3	Chỉnh trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên du lịch từ đường Trần Nhân Tông đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí	1	3841	18/7/2024	9.325	2.980	980	2.000				500	500			2.980	480	2.000	500							
4	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở chính BQL Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	4587	09/9/2024	2.732							1.510				1.510		1.510								
5	Hệ thống bán, soát vé điện tử phi tham quan Danh lam thắng cảnh khu Di tích Yên Tử, thành phố Uông Bí	1	4814	04/10/2024	850							600				600		600								
C	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH	5			6.207	3.000	3.000	3.000					3.000	3.000		3.000				3.000						
I	Phòng QLĐT	5			6.207	3.000	3.000	3.000					3.000	3.000		3.000				3.000						
1	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực Bắc Sơn, thành phố Uông Bí (phần khu J)	1	3309	14/6/2024	1.608	600	600					600				600				600						
2	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Tiểu khu G1 thuộc Phân khu G tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	3310	14/6/2024	946	370	370					370				370				370						

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024					Điều hòa KH ĐTXD cơ bản năm 2024					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh					Ghi chú	
		Số lượng công trình	Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó					Phi Yên Từ					Tổng số	Trong đó					
						Tiền sử dụng đất	Phi Yên Từ	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD	Nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên chuyển sang	NS Tinh hỗ trợ có mục tiêu	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		Tổng số	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Từ	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD		Nguồn tiết kiệm 5% chi TX chuyển sang
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3	Điều chỉnh cục bộ và lập thiết kế đô thị Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	I	2289	08/4/2024	2.700	1.300		1.300				1.300		1.300		1.300				1.300		
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	I	1216	01/4/2024	545	400		400					400	400		400				400		
5	Tổng mặt bằng Quy hoạch đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp cải tạo trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	I	2209	02/4/2024	408	330		330					330	330		330				330		

KẾ HOẠCH YỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2024 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lũy kế thực hiện đến 31/12/2023					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh										Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng công	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD	Nguyên tiết kiệm 5% chi TX chuyển sang	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu					
										NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố													
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
TỔNG CỘNG																												
A	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	91						1.645.018	1.599.698	649.970	949.728	923.227	912.632	472.990	439.642	361.543	10.000	351.543	95.000	17.600	24.600	69.745	8.598	136.000				
I	BQLĐA Đầu tư xây dựng	9						230.037	230.037	103.000	127.037	216.068	205.473	100.000	105.473	15.582		15.582	1.825			13.757						
I	BQLĐA Đầu tư xây dựng	8						227.577	227.577	103.000	124.577	213.702	203.373	100.000	103.373	15.316		15.316	1.825			13.491						
1	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	7946727	799	072	10834	13/12/2021	4.000	4.000		4.000	3.750	3.750			133		133	133.358						Đã PDQT			
2	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7946724	799	292	10840	13/12/2021	3.821	3.821		3.821	3.500	3.500			48		48	48.239						Đã PDQT			
3	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7954757	799	292	1363	16/3/2022	3.688	3.688		3.688	3.250	3.250			312		312	312.188						Đã PDQT			
4	Chính trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1	7968489	799	312	4373	20/6/2022	14.999	14.999		14.999	12.500	12.500			1.902		1.902				1.901.664			Đã PDQT			
5	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hà Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7972532	799	292	4372	20/6/2022	5.500	5.500		5.500	4.700	4.700			624		624	624.013						Đã PDQT			
6	Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đời của dự án với khu dân cư hiện trạng và thảm asphal khu dân cư hiện trạng	1	7810984	799	312	8858	30/10/2019	10.000	10.000		10.000	6.018	4.000			2.018		2.018				2.018.267			Đã PDQT			
7	Nâng cấp, cải tạo trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	7855957	799	341	7453a	26/10/2019	9.000	9.000		9.000	8.687	7.790			896		896				896.459			Đã PDQT			
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc đỏ Yên Tử đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí	1	7747075	799	292	7042	31/10/2018	172.164	172.164	100.000	72.164	171.297	163.882	100.000	63.882	8.153		8.153	707.662			7.445.473			Đã PDQT			
9	Khắc phục sụt lún bê tông kênh dẫn nước đoạn từ cầu Cẩm Hồng đến cống 5 cửa, khu Đa Bắc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	8004744	799	312	11221	12/12/2022	4.406	4.406	3.000	1.406					1.229		1.229				1.229.077			Đã PDQT			
	UBND phường Phương Đông	1						2.460	2.460		2.460	2.366	2.100			266		266				266						
I	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hương tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	7171188	760	292	6022	14/9/2022	2.460	2.460		2.460	2.366	2.100			266		266				265.968			Đã PDQT			
B	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP NĂM 2024	25						985.157	985.157	546.970	438.187	701.861	701.861	372.990	328.871	158.882	10.000	148.882	18.413	9.000	16.700	23.671	5.098	76.000				
I	BQLĐA Đầu tư xây dựng	24						568.187	568.187	130.000	438.187	328.871	328.871	0	328.871	148.882		148.882	18.413	9.000	16.700	23.671	5.098	76.000				
1	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Công khu Hiệp An 2 phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7969459	799	292	4371	20/6/2022	25.000	25.000		25.000	21.300	21.300			3.000		3.000	1.000			2.000						
2	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 lần xe, thành phố Uông Bí	1	7918403	799	292	10903	13/12/2021	289.758	289.758	130.000	159.758	206.768	206.768			59.000		59.000		9.000				50.000				

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt				Lũy kế thực hiện đến 31/12/2023					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh										Ghi chú	
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho DTXD	Nguồn tiết kiệm 5% chi TX chuyển sang	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu			
									NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố												
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
3	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Ưng Bi, thành phố Ưng Bi	1	7998646	799	074	7643/4096	30/11/2023	116.855	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	26.000	26.000										26.000	
4	Kê dả khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Lân Tháp), phường Vãng Danh, thành phố Ưng Bi	1	8016383	799	312	581	23/02/2023	1.038	813	813	813	813	813	813	813	174	174	174	173.623							Đã PDQT
5	Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Ưng Bi	1	8019575	799	312	850	14/3/2023	2.866	2.245	2.245	2.245	2.245	2.245	2.245	2.245	250	250	250.443								Đã PDQT
6	Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vãng Danh, thành phố Ưng Bi	1	8019573	799	312	858	14/3/2023	2.815	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	168	168	167.629								Đã PDQT
7	Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vãng Danh, thành phố Ưng Bi	1	8019574	799	312	856	14/3/2023	982	900	900	900	900	900	900	900	13	13	13.235								Đã PDQT
8	Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Ưng Bi – Hoàng Bá phường Vãng Danh, thành phố Ưng Bi	1	8019692	799	312	857	14/3/2023	552	500	500	500	500	500	500	500	10	10	9.731								Đã PDQT
9	Chỉnh trang tuyến đường Lũng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lũng Xanh, thành phố Ưng Bi	1	8035243	799	312	810	10/3/2023	49.767	26.945	26.945	26.945	26.945	26.945	26.945	26.945	14.335	14.335	14.335	8.000	1.498						
10	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước từ 32, 33 khu 9 phường Quảng Trung, thành phố Ưng Bi	1	8036363	799	312	3537	05/7/2023	4.943	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	500	500	500								
11	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Ưng Bi	1	8036365	799	371	3586	06/7/2023	1.594	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	300	300	300								
12	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Ưng Bi	1	8036366	799	292	3799	20/7/2023	7.607	3.100	3.100	3.100	3.100	3.100	3.100	3.100	3.600	3.600	3.600	3.600							3.600
13	Trường tiểu học Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn	1	8052993	799	071	5209	17/10/2023	7.884	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	5.100	5.100	5.100								
14	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh	1	8035845	799	161	6213	06/11/2023	14.417	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	10.100	10.100	10.100	8.000							
15	Chỉnh trang phố Hòa Bình đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến QL 18A, TP Ưng Bi	1	8053005	799	312	5210	17/10/2023	9.360	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	6.500	6.500	6.500	5.300							
16	Chỉnh trang đường Phố Thanh Tây đoạn từ QL 18 đến Nhà văn hóa phường Yên Thanh, thành phố Ưng Bi	1	8053004	799	312	5231	18/10/2023	13.565	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	9.800	9.800	9.800	8.100							
17	Nhà văn hóa khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Ưng Bi	1	8052994	799	161	5117	12/10/2023	2.801	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.677	1.677	1.677	1.676,737							Đã PDQT
18	Kè chống sạt lở đoạn bờ suối khu 8, Bắc Sơn, thành phố Ưng Bi	1	8052995	799	312	5189	16/10/2023	10.094	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	6.300	6.300	6.300	6.029,166	270.923						
19	Tuyến đường nội đồng của ông Bầu thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công	1	8053025	799	292	4514	12/9/2023	1.058	700	700	700	700	700	700	700	300	300	300	300							
20	Tuyến đường xóm ông Phương thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công	1	8052998	799	292	5041	09/10/2023	347	200	200	200	200	200	200	200	100	100	100	100							
21	Tuyến đường nội đồng Môt Mẫu, thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công	1	8052999	799	292	5042	09/10/2023	648	400	400	400	400	400	400	400	200	200	200	200							

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh							Ghi chú				
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	NS Tỉnh	NS Thành phố	Giá trị khối lượng	Tổng số	NS Tỉnh	NS Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn ngân sách năm 2023 dành cho DTXD	Nguồn tiết kiệm 5% chi TX chuyển sang	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu									
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
22	Tuyến đường của ông Mai thôn Khe Sủ 2, xã Thượng Yên Công	1	8053000	799	312	5068	10/10/2023	414	414			300	300		300	100	100	100			100								
23	Rãnh thoát nước tổ 7 khu 2, phường Vạng Danh, thành phố Uông Bí	1	8053001	799	312	5069	10/10/2023	1.147	1.147			700	700		700	356	356	356			356,198								Đã PDQT
24	Mương thoát nước khu 5A, phường Vạng Danh	1	8053002	799	312	5133	12/10/2023	2.676	2.676			1.500	1.500		1.500	1.000	1.000	1.000			1.000								
II	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố	I						416.970	416.970	416.970		372.990	372.990	372.990		10.000	10.000												
I	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hà Long - Hải phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn I)	1	7918346	799	292	2305T	14/7/2021	416.970	416.970			372.990	372.990	372.990		10.000	10.000												
C	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG NĂM 2024	45						406.026	360.706			1.200	1.200		1.200	177.535		177.535	68.218	8.600	7.900	32.317	500	60.000					
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	15						360.706	360.706			1.200	1.200		1.200	150.487		150.487	68.218	8.600	7.900	5.268	500	60.000					
I	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052996	799	312	5131	12/10/2023	65.000	65.000			400	400		400	30.000		30.000	30.000										
2	Xử lý điểm sụt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	8019578	799	312	851	14/3/2023	9.000	9.000			400	400		400	7.000		7.000			7.000								
3	Sửa chữa kẻ sủi Vạng Danh đoạn từ cầu Miếu Thán 2 đến cầu Khe Mai, phường Vạng Danh	1	8066427	799	312	7113	11/12/2023	920	920							900		900			900								
4	Chỉnh trang đô thị tại khu vực đối Dinh Viên thuộc khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	8066428	799	312	7236	12/12/2023	3.719	3.719							3.000		3.000	3.000										
5	Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí	1	8066429	799	071	7239	12/12/2023	12.662	12.662							6.500		6.500	6.500										
6	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052997	799	312	7225	12/12/2023	60.000	60.000			400	400		400	28.600		28.600	28.600										
7	Xử lý sạt lở mái ta luy đường đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vạng Danh, thành phố Uông Bí	1	8066430	799	312	7317	14/12/2023	10.424	10.424							5.000		5.000	5.000			5.000							
8	Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	8088199	799	371	2477	24/4/2024	11.000	11.000							358		358				358,485							
9	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Tru sở UBND thành phố Uông Bí	1	8085923	799	341	3306	14/6/2024	146.975	146.975							60.000		60.000						60.000					
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dê Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	8093284	799	292	3848	18/7/2024	5.000	5.000							3.028		3.028	118.075			2.910							
11	Tuyến đường giao thông dẫn vào Tru sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự Thành phố	1	8093285	799	292	3846	18/7/2024	13.000	13.000							620		620	620										

STT	Danh mục dự án	Số công trình	Mã dự án	Mã chương trình	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn			Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh										Chi chủ
					Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho BTXD	Nguồn tiết kiệm 5% chi TX chuyển sang	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu				
									NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố								NS Tỉnh	NS Thành phố			
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z	
12	Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí	1	8095286	799	3842	18/7/2024	10.100	10.100							390		390		390							
13	Chính trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên Đoàn từ đường Trần Nhân Tông đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí	1	8095184	799	3841	18/7/2024	9.325	9.325							2.980		2.980		480		2.000	500				
14	Cải tạo, sửa chữa Tru sở chính BQL Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	8111660	799	4587	09/9/2024	2.732	2.732							1.510		1.510		1.510							
15	Hệ thống bán, soát vé điện tử phi tham quan Danh lam thắng cảnh khu Di tích Yên Tử, thành phố Uông Bí	1	8111659	799	4814	04/10/2024	850	850							600		600		600							
II	Hỗ trợ UBND các xã, phường thực hiện	30				45.320									27.048		27.048							PR3		
D	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH	12				23.797	23.797	4.098	4.098	4.098	4.098	4.098	4.098	4.098	9.543	9.543	6.543	6.543			3.000					
1	Cải tạo, chỉnh trang cột đồng hồ phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8053003	799	312	4462	670	670			298	298			143		143									
2	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu H thành phố Uông Bí	1	8059967	619	332	2536	5.878	5.878			1.800	1.800			1.600		1.600									
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Tru sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí	1	8059966	619	332	3087	525	525			200	200			300		300									
4	Quy hoạch nút giao giữa đường QL10 - Đường Ven Sông - Đường Yên Tử kéo dài phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	8054076	619	332	3614	1.107	1.107			300	300			600		600									
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc hai bên tuyến Quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn TP Uông Bí (từ Km 74+100 đến Km 87)	1	8054077	619	332	3587	3.653	3.653			1.200	1.200			1.500		1.500	1.500								
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cải tạo, chỉnh trang hệ thống vườn hoa, cây xanh khu vực trung tâm và tại các vị trí cửa ngõ Thành phố	1	8059069	619	332	5299	793	793			300	300			400		400									
7	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị phường Vãng Danh thành phố Uông Bí (Phần khu B) tại phường Vãng Danh, thành phố Uông Bí	1	8098495	619	332	3308	4.964	4.964							2.000		2.000	2.000			600					
8	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực Bắc Sơn, thành phố Uông Bí (phần khu J)	1	8098493	619	332	3309	1.608	1.608							600		600									
9	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Triều khu G1 thuộc Phần khu G tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	8098497	619	332	3310	946	946							370		370				370					
10	Điều chỉnh cục bộ và lập thiết kế đô thị Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	8098498	619	332	2289	2.700	2.700							1.300		1.300				1.300					

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình tính	Quyết định phê duyệt					Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023				Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh							Chí chú	
			Mã dự án	Mã chương trình anh	Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Trong đó			NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu			
									NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố				Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than		Ngân dươg sách năm 2023 dành cho ĐTXD		
A	B	C	1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
11	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	8098170	619	332	1216	01/4/2024	545		545					400		400					400		
12	Tổng mặt bằng Quy hoạch đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp cải tạo trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	8098171	619	332	2209	02/4/2024	408		408					330		330					330		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG THỰC HIỆN GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỬ TRI
(Kèm theo Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD)	Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	30						45.320	27.048,336	
	UBND phường Quang Trung	1						2.817	1.500	
1	Xây dựng Nhà văn hóa khu 2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	161	4813	04/10/2024	2.817	1.500	
	UBND phường Thanh Sơn	1						4.675	3.500	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171179	760	161	4396	23/8/2024	4.675	3.500	
	UBND phường Yên Thanh	2						4.548	2.700	
1	Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7171182	760	341	117 Phường	21/5/2024	2.800	1.500	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7171182	760	161	4335	16/8/2024	1.748	1.200	
	UBND phường Phương Đông	2						2.498	1.400	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7171188	760	161	4366	20/8/2024	1.319	600	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hội trường UBND phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7171188	760	341	4339	19/8/2024	1.179	800	
	UBND phường Phương Nam	2						1.904	1.250	
1	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7171190	760	341	182 Phường	14/5/2024	800	550	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7171190	760	161	4350	20/8/2024	1.104	700	
	UBND phường Trung Vương	9						15.073	8.200	
1	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Cổng Baza khu Đền Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	283	34 Phường	24/01/2024	2.766	1.400	
2	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33 Phường	22/01/2024	1.971	1.000	
3	Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Đền Công khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	36 Phường	24/01/2024	2.195	1.100	
4	Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33A Phường	22/01/2024	561	300	
5	Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	341	110 Phường	21/5/2024	1.100	600	

STT		Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD)	Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
6	Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến Công Baza, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	312	328 Phường	31/12/2023	1.128	650	
7	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Linh Khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33B Phường	22/01/2024	1.099	550	
8	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Năng đến Trạm bơm nước khu Đền Công 1, phường Trung Vương	1	7171335	760	292	327 Phường	31/12/2023	1.120	600	
9	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	161	4336	16/8/2024	3.132	2.000	
	UBND phường Nam Khê	1						749	600	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	7171185	760	161	4337	16/8/2024	749	600	
	UBND phường Bắc Sơn	1						1.957	1.500	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171167	760	161	4306	15/8/2024	1.957	1.500	
	UBND phường Vàng Danh	10						8.418	4.800	
1	Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh	1	7171160	760	341	162 Phường	26/4/2024	1.391	700	
2	Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miếu Thán đến khu Tái định cư Máng Lao, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	154 Phường	26/4/2024	547	350	
3	Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	160 Phường	26/4/2024	516	250	
4	Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hoá khu 1, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	158 Phường	26/4/2024	895	450	
5	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	156 Phường	26/4/2024	743	400	
6	Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cút đến cầu Lán Tháp, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	157 Phường	26/4/2024	843	450	
7	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 5a, khu 5b, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	155 Phường	26/4/2024	295	200	
8	Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	159 Phường	26/4/2024	231	200	
9	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh	1	7171160	760	292	161 Phường	26/4/2024	1.750	900	
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	7171160	760	161	4305	15/8/2024	1.207	900	
	UBND xã Thượng Yên Công	1						2.682	1.598	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	7171194	760	161	4526	29/8/2024	2.682	1.598,336	